

Số: 29/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 4 năm 2018

## KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017  
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác  
giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 46-NQ/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và của tỉnh về giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

#### 2. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU phải được các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với việc thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về giảm nghèo, từ đó cụ thể hóa thành kế hoạch, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

### II. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Tập trung huy động mọi nguồn lực trong xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nội lực của bản thân các hộ nghèo, hộ cận nghèo, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội để giúp các hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số ổn định sinh kế, phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo cơ hội thuận lợi để người nghèo, người cận nghèo tiếp cận trực tiếp với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin, góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết số 46-NQ/TU.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 19,32% đầu năm 2018 xuống còn 12,72% cuối năm 2020, đảm bảo mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân trên 3%/năm, riêng các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân trên 4%/năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trong giai đoạn 2016-2020.

- Phấn đấu từ 15% - 20% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các huyện, xã, thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân, phấn đấu đạt:

+ Từ 80% - 90% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

+ Từ 70% - 80% thôn, bản có đường trục giao thông được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

+ Từ 60% - 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, từ 80% - 90% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

+ 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 80% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới.

+ phấn đấu 95% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

+ Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tưới chắc trên 80% diện tích trồng lúa cả năm.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất.

- Bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thoát nghèo, cận nghèo.

- Hỗ trợ đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho khoảng 1.500 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, trong đó từ 20% - 30% lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn, bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền, cổ động; 50% các xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền, cổ động ngoài trời.

- Từ 80% - 90% các hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước;

kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh thông qua báo chí, xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác.

- Toàn tỉnh không còn hộ nghèo thuộc đối tượng hộ chính sách, người có công theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020.

- Phân đầu 30% số hộ nghèo ở nhà tạm, nhà ở đơn sơ được hỗ trợ làm mới, sửa chữa nhà ở; giảm tỷ lệ chỉ số thiếu hụt về diện tích nhà ở của hộ nghèo xuống còn dưới 20%.

*(Có biểu tổng hợp số 01 kèm theo)*

### III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tích cực tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo đến các cấp, các ngành và nhân dân, nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hưởng ứng sâu rộng, hiệu quả phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của chính quyền các cấp, khắc phục những khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tính sáng tạo của các địa phương trong thực hiện chương trình giảm nghèo, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong thực hiện Chương trình giảm nghèo.

3. Thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước, của tỉnh trong việc xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch giảm tỷ lệ hộ nghèo. Phân bổ vốn, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nhằm đạt các mục tiêu giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và dân sinh, chú trọng huy động nguồn lực thực hiện các chính sách của tỉnh về hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, cận nghèo, đảm bảo cung cấp đủ vốn cho các hộ có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập để thoát nghèo bền vững.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong thực hiện các chính sách giảm nghèo được tăng cường và thực hiện công khai, dân chủ, không chạy theo thành tích, tránh phô trương, hình thức, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, tiêu cực, nhất là trong quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình giảm nghèo; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, hoặc cố tình cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

*(có biểu tổng hợp số 02 kèm theo)*

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức**

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về công tác giảm nghèo, nâng cao nhận thức của nhân dân, đặc biệt là nhân dân các dân tộc thiểu số sống tại các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa về tiêu chí tiếp cận nghèo đa chiều, mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần tạo được sự đồng thuận, đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, từng địa phương, chú trọng tuyên truyền thông qua tổ chức các hội nghị đối thoại chính sách tại cơ sở.

Căn cứ đặc điểm đối tượng, các nhóm nguyên nhân dẫn đến nghèo, đặc điểm thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản để xác định, xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phù hợp.

Nội dung truyền thông, tuyên truyền phải làm rõ vai trò của người nghèo đối với công tác giảm nghèo, trong đó hộ nghèo, cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng và người được hưởng lợi từ Chương trình giảm nghèo. Đồng thời nêu rõ trách nhiệm của người nghèo trong việc chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng, trong đó phải làm cho người nghèo thấy được sự giúp đỡ của Nhà nước, cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực tự vươn lên của bản thân hộ nghèo là chính.

Phát huy vai trò của các cơ quan thông tấn báo chí trong việc chủ động, tích cực tuyên truyền, phản ánh kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo; khuyến khích các tác phẩm báo chí phản ánh về sự chuyển động trong thực hiện chính sách giảm nghèo ở địa phương, cơ sở, những mô hình, điển hình của các nhóm hộ gia đình, cộng đồng giúp nhau giảm nghèo, nghị lực vươn lên của chính người nghèo, sự chung tay của xã hội, doanh nghiệp, các tổ chức thiện nguyện cho giảm nghèo; đồng thời phát hiện, phê phán các biểu hiện tiêu cực, thất thoát, lợi dụng chính sách giảm nghèo để trục lợi.

### **2. Công tác chỉ đạo, triển khai**

Tăng cường sự chỉ đạo của chính quyền cơ sở, coi giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới. Đưa nội dung công tác giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm của các chính quyền và là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến tạo sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo; việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo phải cụ thể, gắn với thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, ngành, đơn vị, phải

có lộ trình cụ thể, xác định thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. Thực hiện việc giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho các cấp đảm bảo phù hợp với thực trạng, điều kiện của từng địa phương và có sự thống nhất của các cấp (xã/huyện/tỉnh), không thực hiện việc giao chỉ tiêu áp đặt, chạy theo thành tích.

Thực hiện phân cấp và trao quyền cho địa phương cơ sở trong triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả; tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo. Thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp, trong đó đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng của Ban Chỉ đạo cấp xã, đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác lập kế hoạch, điều hành tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Gắn kết thực hiện Chương trình giảm nghèo với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường phân cấp hợp lý, tạo điều kiện cho chính quyền cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý các hoạt động của Chương trình đảm bảo hiệu quả, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh.

### **3. Thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo**

#### ***3.1. Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo***

##### ***a) Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh***

Tích cực huy động nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành về hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên xây dựng các công trình giao thông nông thôn, công trình thủy lợi, hệ thống cung cấp điện ở các xã xây dựng nông thôn mới, xã đặc biệt khó khăn, vùng sản xuất hàng hóa để phục vụ sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, nông sản cho người dân. Gắn việc thi công, xây dựng các công trình với tạo việc làm tại chỗ cho người dân, nhất là lao động nghèo.

Huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020.

##### ***b) Tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo***

Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; thường xuyên chú trọng, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội, chủ động rà soát các thủ tục, cơ chế cho vay, công khai hóa

các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về tín dụng ưu đãi và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội, nhằm tạo điều kiện thuận lợi, kịp thời cho các hộ gia đình trong quá trình tìm hiểu thông tin cũng như việc thực hiện các quy trình, thủ tục vay vốn và trả nợ, trả lãi tiền vay đúng quy định, quay vòng vốn nhanh và hiệu quả.

Tích cực thực hiện các giải pháp huy động nguồn vốn tại địa phương, tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, phân đầu nguồn vốn tăng trưởng hàng năm đạt 8% trở lên; quản lý, điều hành tốt nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Định kỳ hàng năm cân đối, bố trí một phần nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp để đảm bảo nguồn vốn phục vụ nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Phát huy vai trò của cán bộ khuyến nông trong việc hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân vay vốn với mức vay tối đa để phát triển sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; gắn cho vay vốn với hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn theo hướng điều chỉnh cơ cấu ngành nghề hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất từng vùng, từng hộ.

Tiếp tục quan tâm thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*c) Các chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống*

Tiếp tục củng cố hệ thống khuyến nông cơ sở, có cơ chế phù hợp về tổ chức, đào tạo và sử dụng hiệu quả đội ngũ khuyến nông các cấp trong việc giúp đỡ, hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập.

Triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, gắn với thực hiện các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp; chú trọng các mô hình sản xuất chuyên canh, tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá; mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo với doanh nghiệp thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tiết kiệm và vay vốn; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình kinh tế trang trại có sử dụng lao động hộ nghèo, cận nghèo; mô hình trồng trọt, chăn nuôi an toàn theo quy trình Viet Gap.

Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về khuyến công; khuyến khích và hỗ trợ để thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, các hoạt động xúc tiến thương mại nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng,

minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh dịch vụ ở khu vực nông thôn, miền núi để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân và giải quyết việc làm cho người lao động.

*d) Các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm*

Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục nghề nghiệp, việc làm giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh. Trong đó ưu tiên dạy nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ở khu vực nông thôn, các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, nơi chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và đô thị hóa, các xã xây dựng nông thôn mới, lao động thuộc diện di dân tái định cư, người dân tộc thiểu số và phụ nữ nghèo.

Nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề gắn với tạo việc làm. Tổ chức các phiên giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề, trong đó quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng tái định cư, vùng ít đất sản xuất, vùng phải chuyển đổi nghề nghiệp. Tăng cường các hoạt động tư vấn, tuyên truyền về xuất khẩu lao động; lựa chọn các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu lao động có tiềm năng, cho thu nhập cao tuyển dụng và đưa lao động của tỉnh đi làm việc tại nước ngoài. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động theo quy định của Luật đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Duy trì thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn và các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho lao động khu vực nông thôn, những vùng thiếu đất, hoặc ít đất sản xuất, vùng tái định cư... tạo việc làm cho người lao động thông qua việc thực hiện các dự án hoặc các hoạt động với quy mô đầu tư nhỏ trên địa bàn xã, trong đó tập trung khu vực nông thôn, khu vực khó khăn.

*đ) Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất*

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về đất sản xuất, đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn theo các quy định hiện hành.

Thực hiện tốt các biện pháp ổn định đời sống và phát triển sản xuất, đặc biệt là đất sản xuất, nước sản xuất cho các hộ dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang và các hộ dân phải di chuyển, tái định cư phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**3.2. Thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản**

*a) Chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo*

Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học, ưu tiên đầu tư trước cho các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn đạt chuẩn về trường học theo tiêu chí nông thôn mới. Duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học

phổ thông; củng cố và phát triển hệ thống trường nội trú, bán trú, tạo điều kiện học tập thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo, vận động các tổ chức đoàn thể và nhân dân tạo điều kiện cho con hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn đến trường bằng nhiều hình thức, đảm bảo cho mọi trẻ em đều được đến trường.

Tiếp tục thực hiện Dự án hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, các dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn, giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn.

Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên nghèo, sinh viên thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn và các chính sách hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, học sinh học bán trú, học sinh mầm non theo quy định của Trung ương, của tỉnh.

#### *b) Chính sách hỗ trợ y tế*

Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, trong đó chú trọng tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình. Gắn trách nhiệm vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã, đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế; phấn đấu đến hết năm 2020 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 100%.

Duy trì và phát triển Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo đã được thành lập theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 28/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Tuyên Quang. Nghiên cứu ban hành quy định trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, gắn với việc vận động thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Tăng cường đầu tư cho trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng, duy trì 100% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, cùng với việc củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn bản, để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú.



*c) Chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở*

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 26/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân cùng với Quỹ "Vi người nghèo" các cấp hỗ trợ xây dựng nhà, sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo đang ở nhà đơn sơ, nhà dột nát. Trong đó ưu tiên giải quyết trước đối tượng hộ nghèo là hộ chính sách, người có công, chủ hộ là người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, và các hộ nghèo tại các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Triển khai hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2021.

*d) Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường*

Tiếp tục huy động nguồn lực thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường cho nhân dân; duy trì thường xuyên các phong trào vệ sinh môi trường tại các vùng nông thôn; triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035. Phân đấu đến năm 2020 có ít nhất 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Vận động nhân dân xây dựng 3 công trình vệ sinh ở nông thôn (nhà tắm, nhà tiêu, xử lý chất thải chăn nuôi), gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới về môi trường. Phân đấu đến năm 2020 có 85% các hộ nông dân ở nông thôn có nhà xí hợp vệ sinh; tỷ lệ thiếu hụt chỉ số hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh trong hộ nghèo giảm xuống còn dưới 30%.

*đ) Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, thông tin*

Quán triệt, chỉ đạo triển khai nghiêm Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 5/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới. Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống thông tin, truyền thông cơ sở

nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đài phát thanh và truyền hình huyện, thành phố, các điểm bưu điện văn hóa xã; các trạm truyền thanh cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được tiếp cận thông tin.

#### *e) Trợ giúp pháp lý cho người nghèo*

Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả.

Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật.

### **3.3. Thực hiện các chính sách trợ giúp khác**

Duy trì thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các chế độ, chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, gắn với thực hiện giảm nghèo bền vững, trong đó quan tâm đến các dân tộc ít người trình độ dân trí còn hạn chế; công tác định canh, định cư, bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn.

Thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình đời sống nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiếu đói lương thực, những hộ gặp tai nạn, rủi ro, thiên tai.

Chủ động thực hiện phương án đối phó, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trên diện rộng trên địa bàn toàn tỉnh, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, giúp người dân kịp thời khắc phục thiệt hại, ổn định sản xuất, đời sống khi có thiên tai xảy ra.

#### **4. Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

##### **4.1. Các dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn**

Thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện Lâm Bình giai đoạn 2013-2017 ban hành theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ đó tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được, xác định những hạn chế, tồn tại cần khắc phục, rút ra bài học kinh nghiệm để tiếp tục xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo đoạn 2018-2020 (huyện Lâm Bình và Na Hang) theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 - 2020.

Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch, danh mục các công trình hạ tầng cần đầu tư hàng năm và giai đoạn trên địa bàn huyện nghèo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân dân cộng đồng tham gia vào các khâu: xây dựng kế hoạch, xác định đầu điểm công trình và tổ chức thi công, xây dựng công trình; vận động nhân dân đóng góp kinh phí, vật liệu và công lao động để xây dựng các công trình, duy trì thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng các chương trình đã được xây dựng.

Tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư từ ngân sách trung ương, kết hợp với huy động, lồng ghép các nguồn lực từ Chương trình xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn hoàn thành trước các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và để hỗ trợ cải thiện các điều kiện về sinh kế cho hộ nghèo, người dân tộc thiểu số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống và sản xuất, bảo đảm an ninh - chính trị, trật tự xã hội, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

##### **4.2. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững**

Thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ đa dạng các hình thức tạo sinh kế cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường trong sản xuất, chăn nuôi.

Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; tạo quỹ đất sản xuất, hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư, liên kết với hộ nghèo, cận nghèo trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa, kết nối người nghèo với thị trường; hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thông tin thị trường; hỗ trợ tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y; vệ sinh an toàn thực phẩm. Khai thác tốt các thế mạnh của địa phương, vùng, miền; tạo sự chuyển biến nhanh hơn về thu nhập và đời sống cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phát huy các kênh lan tỏa thực hành trong cộng đồng thông qua nhân rộng các mô hình.

Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ đưa lao động ở các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài.

#### **4.3. Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thực hiện dự án để góp phần truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của nhà nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

#### **4.4. Dự án giám sát và đánh giá chương trình**

Bổ trí nguồn lực tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác, phản ánh đúng thực trạng nghèo của các địa phương, nắm chắc nguyên nhân dẫn đến nghèo và đặc điểm hộ nghèo, cận nghèo để có các giải pháp hỗ trợ phù hợp. Không yì thành tích, hoặc trông chờ yì lại vào chính sách của nhà nước mà làm sai lệch kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm.

Từng bước nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hộ nghèo, cận nghèo.

### **5. Tăng cường và mở rộng hợp tác trong thực hiện công tác giảm nghèo**

Xây dựng kế hoạch để mời gọi và tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các nhà tài trợ để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao mức sống nhân dân; đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục, môi trường, du lịch. Ưu tiên các khoản viện trợ, hợp tác lâu dài về phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học công nghệ cho người nghèo và nhân dân vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục phối hợp duy trì thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ, các dự án của tổ chức, các nhà tài trợ trong lĩnh vực giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để cải thiện điều kiện sống, sinh kế cho người dân, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng trong giảm nghèo

Tích cực phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo, tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

- Tuyên truyền Chương trình giảm nghèo đến nhân dân, vận động sự tham gia của cộng đồng xã hội chung tay thực hiện, hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững. Đặc biệt phát huy vai trò tương thân tương ái trong cộng đồng doanh nghiệp, của các cơ quan, đơn vị, gia đình, dòng họ trong việc huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng cách nhận lao động nghèo vào làm việc tại các doanh nghiệp theo khả năng trình độ của người nghèo; hỗ trợ về cây, con giống, khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo trong sản xuất, chăn nuôi; hỗ trợ ngày công lao động cho những hộ gia đình neo đơn, thiếu lao động.

- Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là những người có uy tín trong cộng đồng cùng thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phân công cán bộ của các cấp hội, đoàn thể theo dõi, giúp đỡ đoàn viên, hội viên nghèo, giám sát hộ nghèo sử dụng vốn vay và các nguồn lực được hỗ trợ để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống.

- Phối hợp ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy và đánh bạc. Xử lý nghiêm các trường hợp cho vay nặng lãi, lôi kéo nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo tham gia kinh doanh đa cấp trái phép và lợi dụng sự khó khăn để thu mua đất sản xuất, đất ở của hộ nghèo nhằm trục lợi. Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí và ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân.

- Triển khai có hiệu quả, chất lượng phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

- Nêu cao vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo tại địa phương.

## 7. Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, duy trì chế độ thông tin, báo cáo giữa các cấp.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể nhân dân tham

gia giám sát việc thực hiện. Đơn vị, địa phương nào để xảy ra hiện tượng tiêu cực, thất thoát lãng phí trong quản lý và sử dụng vốn cho Chương trình giảm nghèo, không hoàn thành kế hoạch được giao thì thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo, các dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được bố trí trong dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền và nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân (nếu có) và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

#### VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện và cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng tháng, quý, năm; xác định rõ từng nội dung, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện. Định kỳ hàng tháng tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp).

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để cả hệ thống chính trị tích cực tham gia thực hiện Chương trình giảm nghèo, phối hợp giám sát các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, đôn đốc, kiểm tra các ngành, địa phương tổ chức thực hiện; định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Ban Dân vận Tỉnh ủy;
  - Văn phòng Tỉnh ủy;
  - UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;
  - Các Huyện ủy, Thành ủy;
  - UBND huyện, thành phố;
  - Công TTĐT tỉnh;
  - Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
  - Trưởng, phó Phòng NCTH;
  - Chuyên viên Phòng KGVX (Tùng);
  - Lưu: VT, KGVX (Bắc).
- (Báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Giang**

**KẾ HOẠCH GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2017

Kế hoạch giai đoạn 2018-2020

| TT        | Huyện, thành phố | Đầu năm 2016        |                  |                    | Cuối năm 2016       |                  |                    | Cuối năm 2017       |                  |                    | Cuối năm 2018       |                  |                    | Cuối năm 2019       |                  |                    | Cuối năm 2020       |                  |                    | Mức giảm BQ 5 năm (2016-2020) |
|-----------|------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|-------------------------------|
|           |                  | Tổng số hộ gia đình | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | Tổng số hộ gia đình | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | Tổng số hộ gia đình | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | Tổng số hộ gia đình | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | Tổng số hộ gia đình | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | Tổng số hộ gia đình | Tổng số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) |                               |
| A         | B                | 1                   | 2                | 3=2/1              | 4                   | 5                | 6=5/4              | 7                   | 8                | 9=8/7              | 10                  | 11               | 12=11/10           | 13                  | 14               | 15=14/13           | 16                  | 17               | 18=17/16           | 19=(3-18)/5                   |
| 1         | Lâm Bình         | 7.329               | 4.455            | 60,79              | 7.452               | 3.832            | 51,42              | 7.511               | 3.436            | 45,75              | 7.586               | 3.156            | 41,60              | 7.665               | 3.093            | 40,35              | 7.744               | 3.035            | 39,19              | 4,32                          |
| 2         | Nà Hang          | 10.109              | 5.063            | 50,08              | 10.222              | 4.369            | 42,74              | 10.301              | 3.931            | 38,16              | 10.380              | 3.561            | 34,31              | 10.460              | 3.312            | 31,66              | 10.540              | 3.166            | 30,04              | 4,01                          |
| 3         | Chiêm Hoà        | 33.459              | 12.117           | 36,21              | 33.668              | 10.403           | 30,90              | 33.923              | 8.775            | 25,87              | 34.226              | 7.540            | 22,03              | 34.530              | 6.560            | 19,00              | 34.780              | 5.904            | 16,98              | 3,85                          |
| 4         | Hàm Yên          | 29.875              | 9.989            | 33,44              | 30.358              | 8.642            | 28,47              | 30.741              | 7.176            | 23,34              | 31.048              | 6.126            | 19,73              | 31.355              | 5.391            | 17,19              | 31.605              | 4.938            | 15,62              | 3,56                          |
| 6         | Yên Sơn          | 43.621              | 11.446           | 26,24              | 44.225              | 9.387            | 21,23              | 44.808              | 7.547            | 16,84              | 45.200              | 6.199            | 13,71              | 45.600              | 5.393            | 11,83              | 45.950              | 4.773            | 10,39              | 3,17                          |
| 5         | Sơn Dương        | 47.886              | 12.008           | 25,08              | 48.409              | 10.089           | 20,84              | 48.850              | 8.306            | 17,00              | 49.290              | 6.838            | 13,87              | 49.730              | 5.470            | 11,00              | 50.090              | 4.721            | 9,43               | 3,13                          |
| 7         | TP. T. Quang     | 28.483              | 749              | 2,63               | 28.780              | 655              | 2,28               | 29.067              | 473              | 1,63               | 29.358              | 387              | 1,32               | 29.622              | 294              | 0,99               | 29.827              | 241              | 0,81               | 0,36                          |
| Toàn tỉnh |                  | 200.762             | 55.827           | 27,81              | 203.114             | 47.377           | 23,33              | 205.201             | 39.644           | 19,32              | 207.088             | 33.807           | 16,32              | 208.962             | 29.513           | 14,12              | 210.536             | 26.778           | 12,72              | 3,02                          |





## BIỂU TỔNG HỢP

Các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020  
(Kèm theo Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03 / 4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



| TT | Nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp   | Thời gian hoàn thành | Thời gian trình UBND tỉnh | Ghi chú |
|----|--|--|--|----------------------|---------------------------|---------|
| I  | <b>Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy tính chủ động, tham gia tích cực của nhân dân về thực hiện giảm nghèo bền vững</b>   |  |  |                      |                           |         |
| 1  | Tổ chức quán triệt, học tập nội dung Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020  | Các cơ quan, đơn vị  |  | Quý I//2018          |                           |         |
| 2  | Thực hiện thông tin, tuyên truyền về chương trình giảm nghèo; phổ biến chính sách, pháp luật về giảm nghèo, đưa tin các gương điển hình, tiên tiến, cách làm hay về phát triển kinh tế hộ gia đình nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về giảm nghèo | Sở Thông tin và Truyền thông                                     | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Thường xuyên         |                           |         |
| 3  | Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp  | Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Thường xuyên         |                           |         |
| 4  | Tăng cường, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin cơ sở   | Sở Thông tin và Truyền thông                                     | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                           |         |

| TT | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                    | Cơ quan phối hợp   | Thời gian hoàn thành | Thời gian trình UBND tỉnh | Ghi chú |
|----|---|------------------------------------|--|----------------------|---------------------------|---------|
| II | <b>Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo</b>                   |                                    |  |                      |                           |         |
| 1  | Kế hoạch đầu tư công trung hạn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020                | Sở Kế hoạch và Đầu tư              | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Năm 2018             | Năm 2018                  |         |
| 2  | Kế hoạch phân bổ vốn, kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hàng năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư              | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Quý I hàng năm       | Tháng 02 hàng năm         |         |
| 3  | Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện nghèo                     | UBND huyện Lâm Bình, Na Hang       | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Các sở, ban, ngành liên quan  | Năm 2018             | Năm 2018                  |         |
| 4  | Kế hoạch giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm   | Sở Kế hoạch và Đầu tư              | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Quý IV hàng năm      | Tháng 12 hàng năm         |         |
| 5  | Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo hàng năm   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Hàng năm             | Tháng 02 hàng năm         |         |
| 6  | Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, báo cáo tổng kết Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Quý IV/2020          | Quý III/2020              |         |

| TT  | Nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp   | Thời gian hoàn thành | Thời gian trình UBND tỉnh | Ghi chú |
|-----|--|---|--|----------------------|---------------------------|---------|
| III | <b>Tập trung huy động nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo</b>  |   |  |                      |                           |         |
| 1   | Thực hiện có hiệu quả các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững   | Các sở, ngành chủ trì các dự án thành phần Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố                   | Thường xuyên         |                           |         |
| 2   | Nghiên cứu, lồng ghép nguồn vốn các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với thực hiện kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và xây dựng nhà văn hóa thôn bản gắn với khuôn viên | Sở Kế hoạch và Đầu tư   | Sở Tài chính; các Sở, ngành chủ trì các dự án thành phần; các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Thường xuyên         |                           |         |
| 3   | Tiếp tục thực hiện các dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Thường xuyên         |                           |         |
| 4   | Thực hiện chương trình tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác  | Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh  | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Thường xuyên         |                           |         |
| 5   | Thực hiện chương trình giáo dục nghề nghiệp - việc làm, gắn với giảm nghèo   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội  | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Thường xuyên         |                           |         |
| 6   | Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa  | Sở Kế hoạch và Đầu tư   | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Thường xuyên         |                           |         |

| TT        | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                        | Cơ quan phối hợp  | Thời gian hoàn thành | Thời gian trình UBND tỉnh | Ghi chú |
|-----------|---|--|---|----------------------|---------------------------|---------|
| 7         | Thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn tiếp cận với dịch vụ giáo dục và đào tạo                             | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                           |         |
| 8         | Thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn tiếp cận với dịch vụ y tế  | Sở Y tế                                | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                           |         |
| 9         | Thực hiện các giải pháp hỗ trợ người nghèo về nhà ở   | Sở Xây dựng                            | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                           |         |
| 10        | Thực hiện các dự án hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Y tế; các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố   | Thường xuyên         |                           |         |
| 11        | Hỗ trợ người nghèo, cận nghèo tiếp cận thông tin  | Sở Thông tin và Truyền thông           | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                           |         |
| 12        | Thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo   | Sở Tư pháp                             | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                           |         |
| <b>IV</b> | <b>Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác giảm nghèo</b>  |  |   |                      |                           |         |
| 1         | Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG cấp tỉnh; sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phù hợp   | Sở Kế hoạch và Đầu tư và Đầu tư        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Hàng năm             |                           |         |
| 2         | Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG cấp huyện và Ban Quản lý các Chương trình MTQG cấp xã; ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý phù hợp | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố       |   | Hàng năm             |                           |         |

| TT  | Nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp  | Thời gian hoàn thành | Thời gian UBND tỉnh | Ghi chú |
|-----|---|--|---|----------------------|---------------------|---------|
| 3   | Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội   | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Hàng năm             |                     |         |
| V   | <b>Tăng cường và mở rộng hợp tác trong thực hiện công tác giảm nghèo</b>  |  |   |                      |                     |         |
| 1   | Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án sử dụng vốn ODA, các dự án hỗ trợ giảm nghèo của các Tổ chức phi chính phủ đang triển khai trên địa bàn tỉnh  | Sở Kế hoạch và Đầu tư  | Sở Ngoại vụ, các Sở, ngành được giao triển khai các dự án và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố                 | Thường xuyên         |                     |         |
| 2   | Tăng cường tiếp xúc, vận động các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ hợp tác, triển khai các dự án, chương trình viện trợ, hỗ trợ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh  | Sở Ngoại vụ  | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh; các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Thường xuyên         |                     |         |
| VI  | <b>Tăng cường thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với công tác giảm nghèo</b>   |  |   |                      |                     |         |
| 1   | Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác.  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội   | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                     |         |
| 2   | Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội   | Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố                       | Thường xuyên         |                     |         |
| VII | <b>Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính - trị xã hội</b>  |  |   |                      |                     |         |
| 1   | Thực hiện Nghị quyết liên tịch số: 88/NQLT/CP-DCTUBTWMTTQVN ngày 07/10/2016 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố  | Thường xuyên         |                     |         |

| TT | Nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì                    | Cơ quan phối hợp   | Thời gian hoàn thành | Thời gian trình UBND tỉnh | Ghi chú |
|----|--|------------------------------------|--|----------------------|---------------------------|---------|
| 2  | Phối hợp vận động, quản lý và triển khai thực hiện có hiệu quả Quỹ "Vì người nghèo" các cấp  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Thường xuyên         |                           |         |
| 3  | Tăng cường chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo gắn với nâng cao chất lượng phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Phân công cán bộ phụ trách từng hộ hội viên, đoàn viên nghèo, thực hiện các giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ hội viên, đoàn viên nghèo thoát nghèo bền vững | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh       | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố                  | Thường xuyên         |                           |         |
| 4  | Phối hợp trong giám sát, phát huy vai trò phản biện xã hội đối với Chương trình giảm nghèo của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố                 | Thường xuyên         |                           |         |